

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1076/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/12/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hoàng Nam.
2. Bà Trần Thị Đúng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 502/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 424/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Thanh T**, sinh năm 1988 – Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Nhà không số tổ 15, ấp D, xã Đa P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1988 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Nhà không số tổ 15, ấp D, xã Đa P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 12/01/2022, bản tự khai ngày 07/3/2022, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/4/2022 và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 01/4/2022, nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Hoàng A chung sống với nhau từ năm 2018, không tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã

Thanh A, huyện Cần G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm tháng 7/2020, vợ chồng ông bà dọn đến nơi ở mới tại xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến đây ông A thường xuyên qua nhà hàng xóm chơi. Bà T có khuyên ông A không nên vượt quá giới hạn vì gia đình hàng xóm có con gái chưa chồng và phụ nữ có chồng nhưng đang mâu thuẫn gia đình. Tuy nhiên ông A bỏ ngoài tai tất cả lời nói vợ khuyên. Đến ngày 15/5/2021, bà T có chứng cứ về việc ông A đã đi quá giới hạn bạn bè với người phụ nữ hàng xóm tên Nguyễn Thị Thúy N. Hai vợ chồng đã tự dàn xếp và hy vọng mọi việc sẽ dừng lại nhưng không thành công. Đến ngày 21/6/2021, bà T đi thực hiện chống dịch Covid-19 trong khoảng thời gian giãn cách xã hội. Ông A vẫn tiếp tục mối quan hệ bất chính với người phụ nữ kia. Bà T và ông A hiện nay vẫn sống chung nhà, chỉ có thời gian bà T đi chống dịch thì vợ chồng ở xa nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà T và ông A chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Anh Th (nữ), sinh ngày 01/7/2019. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào ngày cuối cùng hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 25/10/2022, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con như sau: Trước đây, khi nộp đơn ly hôn, bà T yêu cầu ông Nguyễn Hoàng A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào ngày cuối cùng hàng tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng A thể hiện sự vô trách nhiệm với vợ con, không đến Tòa giải quyết vụ án và cho rằng không ai làm gì được mình, Do đó, bà T thay đổi yêu cầu cấp dưỡng như sau: Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng A cấp dưỡng nuôi con vì bà T có khả năng. Việc ông A có cấp dưỡng nuôi con hay không xuất phát từ trách nhiệm của người làm cha và ý thức của ông A.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng A vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay mà không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau: Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phan Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Hoàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phan Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A. Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh ngày 17/6/2022 do Công an xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì ông Nguyễn Hoàng A có đăng ký tạm trú và cư trú tại địa chỉ:

Nhà không số tổ 15, ấp D, xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

+ Ông Nguyễn Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hoàng A.

+ Bà Phan Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị Thanh T.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh A, huyện Cần G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/02/2019 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Nguyễn Hoàng A chung sống với nhau từ năm 2018, không tổ chức đám cưới và hai bên tự tìm hiểu trước khi kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm tháng 7/2020, vợ chồng ông bà dọn đến nơi ở mới tại xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến đây ông A thường xuyên qua nhà hàng xóm chơi. Bà T nghi ngờ ông A có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà T cũng đã nhiều lần nhắc nhở và cho ông A cơ hội sửa đổi nhưng không thành công. Bà T và ông A hiện nay tuy vẫn sống chung nhà, nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mục đích hôn nhân giữa bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A đã không còn, bà T không muốn chung sống với ông A nữa.

Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A thì được biết: *“Bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A trước đây có tạm trú tại Nhà không số tổ 15, ấp D, xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh, có xảy ra mâu thuẫn”*.

Ông Nguyễn Hoàng A dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản thể hiện yêu cầu của nguyên đơn gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, ông Nguyễn Hoàng A cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Phan Thị Thanh T. Như vậy, ông Nguyễn Hoàng A đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên ông Nguyễn Hoàng A phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử xét nhận thấy việc bà Phan Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân

gia đình. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Hoàng A.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ lời khai của bà Phan Thị Thanh T thì: Quá trình chung sống, Bà Phan Thị Thanh T và Ông Nguyễn Hoàng A có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Anh Th (nữ), sinh ngày 01/7/2019. Khi ly hôn, bà Phan Thị Thanh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì trẻ đã sống cùng với bà Phan Thị Thanh T từ nhỏ.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Hoàng A vắng mặt, không có bất kỳ văn bản nào trình bày nguyện vọng về con chung khi ly hôn.

Xét thấy nguyện vọng của bà Phan Thị Thanh T về con chung là phù hợp và cũng thuận lợi nhất cho trẻ vì bà Phan Thị Thanh T là mẹ lại gần gũi và chăm sóc con gái từ nhỏ nên bà Phan Thị Thanh T có đầy đủ điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn ông Nguyễn Hoàng A.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Thanh T về con chung: Giao trẻ Nguyễn Hoàng Anh Th (nữ), sinh ngày 01/7/2019 cho bà Phan Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào ngày cuối cùng hàng tháng. Tuy nhiên, tại bản tự khai đề ngày 25/10/2022, bà T thay đổi yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con như sau: Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng A cấp dưỡng nuôi con vì bà T có khả năng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà Phan Thị Thanh T không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng A cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Thanh T xác định bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A chung sống không có tài sản chung, không nợ ai.

Ông Nguyễn Hoàng A vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại Tòa hôm nay, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A.

Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì Bà Phan Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Hoàng A.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 09 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh A, huyện Cần G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/02/2019 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao con chung tên là Nguyễn Hoàng Anh Th (nữ), sinh ngày 01/7/2019 cho bà Phan Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Hoàng A do bà Phan Thị Thanh T có khả năng và không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Thanh T xác định bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A chung sống không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Phan Thị Thanh T xác định bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A chung sống không nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0040551 ngày 27/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hoàng A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (4);
- UBND xã Thạnh A, huyện Cần G, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền